

Bản án số: 300/2022/HS-PT  
Ngày 12 tháng 5 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 336/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn H; Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2021/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo:**

Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 tại Nam Định; Thường trú và chỗ ở hiện nay: đường số 7, khu phố Đ, phường B, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Bùi Thị Thợ Q và 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2020 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Hà Ngọc T. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/12/2017, Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu T mở tờ khai hải quan số 101792265410/A11 khai báo nhập khẩu hàng hóa từ Công ty TP, trụ sở tại Mỹ, gồm 38 kiện hàng, mới 100%, tổng giá trị hàng hóa khai báo là 16.368 USD, gồm 1.020 chiếc chăn lông cừu hiệu KIRKLAND và 4.800 túi nước xả quần áo hiệu DOWNY tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1.

Ngày 09/01/2018, Đội kiểm soát hải quan, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về tiến hành kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa thuộc tờ khai nói trên của Công ty T, kết quả kiểm tra hàng hóa phát hiện toàn bộ hàng hóa là bánh kẹo các loại và 810 cái chăn hiệu Plush blanket Queen do Trung Quốc sản xuất.

Ngày 30/01/2018, Đội kiểm soát hải quan làm việc với Nguyễn Văn H, đại diện ủy quyền của Công ty T. Theo biên bản làm việc số 13/BB-HC11 ngày 30/01/2018, Nguyễn Văn H khai nhận, H là người phụ trách công việc xuất nhập khẩu của Công ty T từ tháng 5/2017 và là người liên hệ, ký hợp đồng mua bán đối với hàng hóa thuộc tờ khai nói trên. Nguyễn Văn H cũng thừa nhận biết trong lô hàng có một ít bánh kẹo gửi cho người thân ở Việt Nam làm quà và làm từ thiện và H biết phải có Giấy công bố vệ sinh an toàn thực phẩm mới nhập khẩu được số bánh kẹo trên nhưng vì công ty không có nên không khai báo. Nguyễn Văn H khai do không hiểu biết pháp luật hải quan nên đã có hành vi vi phạm như trên.

Ngày 29/3/2018, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 04/QĐ-CHQ chuyển toàn bộ hồ sơ vụ vi phạm hành chính nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn H khai nhận: Nguyễn Văn H có mượn Chứng minh nhân dân của em họ là Phạm Duy Ch để thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu T. Sau khi thành lập công ty, H soạn thảo và đề nghị Ch ký giấy ủy quyền về việc giao H toàn quyền điều hành công ty. Từ khi thành lập cho đến nay, Ch không tham gia, không ký bất cứ chứng từ nào liên quan đến hoạt động của công ty T.

Đầu năm 2017, thông qua mạng xã hội, H quen biết người đàn ông tự xưng tên Q, cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (H không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ nơi cư trú của Q). Quá trình quen biết, H có gặp Q khoảng 10 lần. Đến tháng 7/2017, Q thông báo cho H biết đã chuyển sang Mỹ định cư, đồng thời hỏi H nếu có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa xuất xứ Mỹ thì Q sẽ thu gom giúp. Đối với lô hàng vi phạm, H là người trực tiếp hành đàm phán, ký kết hợp đồng nhập khẩu hàng hóa theo tờ khai hải quan số 101792265410/A11 với Q, việc thỏa thuận và ký kết được thực hiện thông qua Zalo. Việc Q có mối quan hệ như thế nào với Công ty TP thì H không biết, ngoài phương thức trao đổi qua Zalo, H không sử dụng phương thức trao đổi nào khác. Sau khi thỏa thuận thống nhất, gửi bộ chứng từ qua Zalo, sau đó H in ra và ký giả chữ ký

của Phạm Duy Ch và đóng dấu Công ty T, về phương thức thanh toán, Q đồng ý thanh toán tiền sau khi nhận hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty TP, tuy nhiên do hàng hóa bị vi phạm nên Q chưa cung cấp số tài khoản thanh toán.

Đối với thực hiện khai báo hải quan và làm thủ tục thông quan, Nguyễn Văn H khai nhận: H là người thực hiện việc mở và truyền tờ khai hải quan số 101792265410/A11, H cũng khai nhận đã ký giả chữ ký Phạm Duy Ch trên toàn bộ hồ sơ nhập khẩu đối với lô hàng trên và ký giả chữ ký của Phạm Duy Ch trên các giấy giới thiệu Ngô Trung K đến hải quan nhận giấy mời và quyết định khám phương tiện và giấy giới thiệu Bùi Anh T đến Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa ĐP lấy Lệnh giao hàng và Bill of Lading và các giấy giới thiệu, giấy ủy quyền cử H đến liên hệ làm việc với Chi cục hải quan Cảng Sài Gòn khu vực 1 làm thủ tục thông quan.

Đối với việc hàng hóa thực tế không đúng với khai báo hải quan, H khai nhận: Trong quá trình ký kết hợp đồng, H đã được đối tác nước ngoài thông báo sẽ gửi kèm bánh kẹo để làm quà biếu và làm từ thiện. Sau khi bị hải quan kiểm tra hàng hóa phát hiện, H đã thông báo và được Q trả lời do nhầm lẫn trong khâu đóng gói. Tuy nhiên, H không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào liên quan chứng minh việc thông báo gửi nhầm hàng. H cho biết bị mất điện thoại di động vào giữa năm 2018 nên đã bỏ số điện thoại đã đăng ký sử dụng tài khoản zalo trao đổi với Q trước đó, hiện H không nhớ số điện thoại này cũng như tài khoản zalo và số điện thoại của Q, do vậy không cung cấp được nội dung đã trao đổi với Q theo yêu cầu.

Ngoài ra, H còn khai trước thời điểm ngày 29/12/2017, H cũng ký giả chữ ký của Phạm Duy Ch và sử dụng pháp nhân công ty T để nhập khẩu 02 lô hàng thuộc tờ khai hải quan số 101428143501/A11 đăng ký ngày 29/5/2017 và 101530578810/A1 đăng ký ngày 28/7/2017, hai lô hàng này được H nhập khẩu ủy thác cho người tên H1 ngụ tại Bình Dương, thông tin về người tên H1 này có ghi trên hợp đồng ủy thác. Tuy nhiên, sau khi Công ty T ngừng hoạt động, H không còn lưu giữ các tài liệu này. Hai lô hàng trên sau khi được thông quan, H đã bàn giao cho H1 và không biết H1 sử dụng lô hàng trên như thế nào.

Đối với Bùi Anh T và Ngô Trung K, H thừa nhận T và K không phải là nhân viên công ty T, T với K là bạn cùng quê, được H nhờ đến hãng tàu lấy lệnh giao hàng, Bill of Lading, cũng như đến hải quan nhận giấy mời và quyết định khám phương tiện.

- Ông Phạm Duy Ch khai nhận: Nguyễn Văn H có hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của Ch để thành lập công ty, do tin tưởng H là anh họ nên Ch không hỏi thành lập công ty để làm gì. Khi làm thủ tục thành lập, H dẫn Ch đến Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương, ký tên trên một số chứng từ thành lập. Sau khi thành lập, ngày 24/3/2017, theo đề nghị của H, Ch ký giấy ủy quyền với nội dung ủy quyền cho H toàn quyền điều hành công ty như lời khai của Nguyễn Văn H nêu trên. Sau thời điểm ký giấy

ủy quyền, Ch không ký bất kỳ chứng từ nào liên quan đến hoạt động của Công ty T, cũng như không biết H đàm phát ký kết hợp đồng với ai, hàng hóa là gì trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay.

- Bùi Anh T và Ngô Trung K khai nhận là bạn cùng quê với Nguyễn Văn H và thừa nhận được H nhờ thực hiện một số công việc liên quan đến lô hàng như lời khai của H. Quá trình giúp H, Tuấn A và K không biết H mua bán hàng hóa với ai, hàng hóa như thế nào.

Ngoài nội dung nêu trên, Cơ quan điều tra đã làm việc với Bùi Anh T, Ngô Trung K và Bùi Thị Thơ Q (vợ bị cáo Nguyễn Văn H) để làm rõ thông tin số điện thoại mà H sử dụng vào thời điểm trao đổi với đối tượng tên Q, tuy nhiên T và K sợ bị liên lụy nên cả hai đã xóa số điện thoại của H đã sử dụng thời điểm đó và bà Quỳnh cho biết năm 2018, H có thay đổi số điện thoại đã sử dụng. Hiện nay cả 03 cá nhân đều không nhớ số điện thoại mà H đã sử dụng vào thời điểm nêu trên.

Kết quả xác minh tại Cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Theo quy định tại Thông tư số 28/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định hàng hóa là bánh kẹo các loại thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện phải kiểm tra về an toàn thực phẩm.

Kết quả xác minh tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương xác định: Công ty T thành lập theo giấy chứng nhận kinh doanh số 3702546028, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/3/2017, giám đốc và đại diện theo pháp luật là Phạm Duy Ch, từ khi thành lập công ty T chưa thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và người đại diện theo pháp luật.

Kết quả xác minh tại Chi cục Thuế Thị xã D, tỉnh Bình Dương xác định: Công ty T chưa phát sinh bất kỳ hoạt động mua bán hàng hóa nào, đồng thời chưa đăng ký phát hành hóa đơn GTGT.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP C Việt Nam, Phòng giao dịch A, xác định Công ty T mở 01 tài khoản số 114002623613 tuy nhiên từ khi mở đến nay, chưa phát sinh bất kỳ giao dịch nào.

Theo Kết luận định giá tài sản số 2720/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Lô hàng vi phạm của Công ty T trị giá 2.668.943.000 đồng (riêng đối với mặt hàng là chăn hiệu Plush Blanket Queen, Hội đồng định giá từ chối giám định do không tìm được mặt hàng so sánh giá).

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2021/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm

giảm từ ngày 03/12/2020 đến ngày 05/02/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/5/2021, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 32/QĐ/VC3-V1 kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H cho rằng trong vụ án này chủ hàng thực sự là đối tượng tên H2, bị cáo chỉ là người giúp sức cho H2 nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 32/QĐ/VC3-V1 và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Buôn lậu” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa bị cáo khai chỉ giúp sức cho đối tượng tên H2 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Về hình phạt, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Bị cáo không đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo mượn danh nghĩa của người khác để thành lập công ty, khai báo gian dối thủ tục hải quan để nhập khẩu trái phép hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam cho thấy bị cáo có dự mưu từ trước với thủ đoạn tinh vi nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 14 năm tù.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* Nội dung bản án sơ thẩm chưa đúng với sự thật khách quan và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Chủ hàng thực sự là người tên H2 chứ không phải bị cáo. Qua nghiên cứu hồ sơ, Luật sư xét thấy hành vi của bị cáo là có tiếp tay; làm thủ tục thông quan cho chị H2. Xin Hội đồng xét xử xem xét lại nội dung của vụ án. Luật sư thấy cần xác minh tài khoản giao dịch của bị cáo và chị H2 này để chứng minh bị cáo chỉ làm thủ tục thông quan giùm chị H2. Cấp sơ thẩm xét xử chỉ dựa trên lời khai của bị cáo là chưa đủ căn cứ. Nay bị cáo cung cấp tình tiết mới, xác định vai trò chủ hàng là người khác; bị cáo chỉ phạm tội “Vận chuyển hàng hóa qua biên giới” hoặc tội “Buôn lậu” nhưng với vai trò giúp sức. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị số 32/QĐ/VC3-V1 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đơn

kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 29/12/2017, bị cáo Nguyễn Văn H đã sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty TNHH MTV XNK T để khai báo gian dối, lập thủ tục hải quan nhằm nhập khẩu trái phép hàng hóa bánh kẹo không có giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và 810 cái chăn hiệu Plush blanket Queen do Trung Quốc sản xuất. Hành vi của bị cáo đã bị Cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra và phát hiện vi phạm. Tổng giá trị hàng hóa được cơ quan tiến hành tố tụng giám định là 2.668.943.000 đồng (đối với mặt hàng chăn hiệu Plush Blanket Queen, Hội đồng định giá từ chối giám định do không tìm được mặt hàng so sánh giá). Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng nghị tăng hình phạt của Viện kiểm sát:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo sau có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi 03 con nhỏ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hàng hóa bị cáo nhập khẩu trái phép chưa lưu thông được ra thị trường nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” đối với bị cáo là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Bởi lẽ, hàng hóa bị cáo nhập khẩu trái phép có giá trị 2.668.943.000 đồng; việc hàng hóa chưa được đưa ra thị trường để tiêu thụ là do gặp sự kiểm tra, quản lý của cơ quan hải quan. Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với kháng nghị về việc cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự “*dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội*”: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện khai báo hải quan đối với 02 chủng hàng hóa, sau đó nhập chủng hàng hóa khác với tờ khai hải quan để đưa vào tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Hành vi của bị cáo dễ dàng bị cơ quan hải quan kiểm tra và phát hiện nên kháng nghị cho rằng bị cáo sử dụng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để thực hiện hành vi phạm tội là không

có cơ sở. Do đó, không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù với các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù – mức khởi điểm của khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự là có phần nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với bị cáo.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình giấy tờ chứng minh bị cáo có bà ngoại tên Nguyễn Thị V là mẹ của liệt sĩ Nguyễn Văn T; tuy nhiên chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về quan hệ nhân thân giữa bị cáo và bà Nguyễn Thị V (người hiện đang là mẹ của Liệt sĩ Nguyễn Văn T) nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

**[4] Xét kháng cáo của bị cáo:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với lý do chủ hàng thực sự là đối tượng tên H2, bị cáo chỉ thực hiện hành vi khai báo hải quan với vai trò giúp sức. Xét thấy, lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm mâu thuẫn với lời khai của bị cáo trong suốt quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp được chính xác nhân thân, lai lịch của đối tượng tên H2 hoặc tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo yêu cầu của đối tượng tên H2. Vì vậy, lời trình bày của bị cáo và quan điểm bào chữa của Luật sư tại phiên tòa không có cơ sở chấp nhận.

Như đã phân tích tại mục [3], do có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 32/QĐ/VC3-V1 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2021/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2020 đến ngày 05/02/2021.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Cục THADS TP. HCM (1);
- BCTN (1);
- Lưu VP (3), HS (2). 14b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**